

## ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG GIỮA MÔ HÌNH KINH TẾ NAKAMA VÀ ZAIBATSU Ở NHẬT BẢN

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: bukabuni@gmail.com

*Ngày nhận bài: 01/02/2018; ngày hoàn thành phản biện: 5/02/2018; ngày duyệt đăng: 8/6/2018*

### TÓM TẮT

Nakama – Zaibatsu được biết đến là những mô hình kinh tế đặc trưng của chế độ phong kiến và tư bản của Nhật Bản. Ra đời và phát triển trong hoàn cảnh khác nhau nhưng cả hai đều có điểm tương đồng nhất định. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa Nakama – Zaibatsu với chính quyền, tính độc quyền, cơ cấu hoạt động, bài viết sẽ nêu lên những nét tương đồng của hai mô hình này. Từ đó làm rõ hơn tính chất hai mặt của mô hình Nakama – Zaibatsu với kinh tế phong kiến và tư bản Nhật Bản.

**Từ khóa:** Minh Trị, Nakama, Tokugawa, Zaibatsu.

Từ thế kỷ XVII, Nhật Bản bắt đầu có sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế hàng hóa dịch vụ. Trong các chính sách của mình, Mạc phủ Tokugawa (1600 – 1868) luôn ưu tiên khuyến khích thương nghiệp phát triển, tạo mọi điều kiện hàng hóa lưu thông hàng hóa dễ dàng. Trong điều kiện đó, đẳng cấp thương nhân xuất hiện ngày càng đông đảo và họ tự tổ chức thành các phường buôn, có mối liên hệ chặt chẽ của những người cùng ngành nghề nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Phường buôn xuất hiện ở Nhật Bản vào thời kỳ Mạc phủ Kamakura (1192 – 1333) dưới tên gọi là Za, trên cơ sở là những nhóm thương nhân bán chuyên nghiệp với mục đích là liên kết và bảo vệ quyền lợi của các thương nhân và thợ thủ công trong quá trình sản xuất, mua bán. Với những nền tảng ban đầu có được, Nakama và Zaibatsu đã ra đời như là sự tiếp bước và phát triển của mô hình kinh tế phường hội.

### 1. KHÁI NIỆM VỀ NAKAMA - ZAIBATSU

Nakama được biết đến là tổ chức buôn bán của một các nhóm gia đình kinh doanh chung một ngành nghề (cầm đồ, lụa, hải sản, gốm sứ...) sống trong một khu vực nhất định (thường là các han) được quản lý bởi Shogun. Chức năng chính của các

Nakama duy trì sự phát triển ổn định, gia tăng sức mạnh kinh tế và tiềm lực tài chính, nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhóm doanh thương. Đồng thời, Nakama ra đời với mục đích khống chế giá cả, kiểm soát hàng hóa, bảo vệ quyền lợi thành viên trước các con nợ, duy trì lòng tin giữa nhà cung cấp và khách hàng.

Những ngày đầu ra đời, chính quyền Tokugawa rất e ngại sự hoạt động phát triển Nakama. Tuy nhiên, càng về sau Mạc phủ nhận thấy được tính ưu việt của mô hình kinh tế này nên đã sử dụng như một công cụ củng cố chính quyền, kiểm soát giá cả thị trường, ổn định kinh tế, tăng nguồn thu quốc gia thông qua tạo lập hệ thống định giá, các cơ sở buôn bán, tiêu chuẩn cho từng loại hàng hóa. Sau khi chính quyền Mạc phủ Tokugawa sụp đổ, Nakama tan rã nhưng đã để lại nền tảng cho sự ra đời của Zaibatsu dưới thời Minh Trị.

Trong khi đó, Zaibatsu được hiểu với nhiều cách khác nhau. Có ba nhận thức cơ bản về Zaibatsu:

1. Zaibatsu là các tập đoàn kinh tế mang tính chất nửa phong kiến. Trong đó, hoạt động kinh tế được tổ chức trên cơ sở quan hệ huyết thống, hôn nhân và quan hệ kiểu tôn chủ - bồi thần truyền thống.
2. Zaibatsu là những tập đoàn kinh tế được thiết lập thông qua sự liên kết chặt chẽ giữa các công ty cùng nắm giữ quyền điều hành và chi phối nguồn tài chính.
3. Zaibatsu là những tập đoàn tư bản tài chính lớn, nhờ việc nắm giữ những hoạt động tín dụng và ngân hàng mà kiểm soát được nhiều lĩnh vực công nghiệp và thương mại [5; tr.519].

Với ba nhận thức trên, có thể biết được đặc trưng chính của Zaibatsu là tính gia tộc, tính hệ thống quản lý. Trên nền tảng Nakama để lại, Zaibatsu được hình thành khi Minh Trị tiến hành cải cách toàn diện nhằm phục hưng Nhật Bản sau thời kỳ cầm quyền của Mạc phủ Tokugawa. Đối với kinh tế, chính quyền khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp mới tạo nguồn tích lũy tư bản cần thiết để gia tăng tiềm lực quốc gia nhằm đối đầu với các nước phương Tây; thực thi chính sách “*thực sản hưng nghiệp*<sup>1</sup>”. Chính sách “*thực sản hưng nghiệp*” có vai trò rất lớn đối sự hình thành Zaibatsu, thông qua việc chính phủ thiết lập khu vực kinh tế tư nhân làm trọng tâm cho toàn bộ nền kinh tế đất nước [3; tr.27].

## **2. ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG GIỮA NAKAMA VÀ ZAIBATSU**

Từ quá trình hình thành, phát triển đến khi sụp đổ, có thể nhận thấy giữa Nakama và Zaibatsu có nét tương đồng cơ bản thể hiện qua: mối quan hệ giữa Nakama và Zaibatsu với chính quyền trong những ngày đầu ra đời, sự ràng buộc

---

<sup>1</sup> Thực sản hưng nghiệp (shokusan kōgyō): nghĩa là chú trọng vào việc làm giàu, bằng tăng gia sản xuất.

trong quá trình hoạt động giữa Nakama – Zaibatsu với chính quyền, tính độc quyền, cơ cấu tổ chức.

## 2.1 Mối quan hệ giữa Nakama và Zaibatsu với chính quyền trong những ngày đầu ra đời

Nakama ra đời dựa trên nền tảng nhận thức của chính quyền về tầm quan trọng của kinh tế thương nghiệp với xã hội. Dưới thời trị vì của Oda Nobunaga (1534 - 1582) và Toyotomi Hideyoshi (1536 - 1598) đã ban hành nhiều chính sách đối thương nghiệp: thiết lập hệ thống buôn bán mới, xóa bỏ đặc quyền kinh tế của các Za[7; tr.291]. Bởi Za tồn tại được là nhờ sự bảo trợ của một số cơ sở tôn giáo, lãnh chúa hay thành viên Hoàng tộc có quyền hành. Tùy theo ảnh hưởng của cơ sở hay người bảo trợ đó mà các Za có đặc quyền buôn bán và phạm vi hoạt động khác nhau [7; tr.290]. Do đó, hệ quả của việc xóa bỏ đặc quyền các Za là cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII các Za bị cấm hoạt động và tự động giải thể. Sự tan rã của Za đã tạo ra nhân tố mới của nền kinh tế đồng thời gây ra sự hỗn loạn nhất định. Đứng trước tình hình đó, giữa thế kỷ XVII ở Nhật Bản xuất hiện một khuynh hướng liên kết tự phát giữa những người sản xuất, doanh thương vào các hiệp hội nhằm hạn chế tình trạng cạnh tranh, đem lại sự ổn định cho nền kinh tế và Kabu Nakama hay còn gọi là Nakama ra đời như xu hướng tất yếu. Trong suốt thời gian cai trị của Mạc phủ Tokugawa, Nakama phát triển ổn định và là tiền đề để Zaibatsu ra đời ở thời Minh Trị.

Zaibatsu ra đời sau khi dựa trên chính sách “*thực sản hưng nghiệp*” của chính quyền Minh Trị. Chính sách này khuyến khích các ngành công nghiệp mới tạo ra nguồn tích lũy tư bản cần thiết gia tăng sức mạnh quốc gia đương đầu với các nước phương Tây thông qua chính phủ thiết lập một khu vực kinh tế tư nhân làm trọng tâm toàn bộ nền kinh tế. Nhờ vậy, các Zaibatsu ra đời từ đây và nhanh chóng thống trị nền kinh tế Nhật Bản. Bốn Zaibatsu lớn nhất vào thời Minh Trị được biết đến với cụm từ Shidai Zaibatsu: Mitsubishi, Mitsui, Sumitomo và Yasuda. Hoạt động của Zaibatsu song hành với các hoạt động chính trị - kinh tế quân sự từ thời kỳ Thiên hoàng Minh Trị cho đến ngày nay vẫn được duy trì.

Từ đây có thể thấy rằng, sự liên kết giữa các tổ chức kinh tế được hình thành từ rất sớm. Đây là mối liên hệ cơ bản giữa Za – Nakama – Zaibatsu. Dù tồn tại dưới chế độ phong kiến hay tư bản thì sự bảo hộ nhà nước mang lại rất nhiều lợi ích cho các tổ chức kinh tế. Riêng Nakama và Zaibatsu, sự ra còn gắn liền với sự cầm quyền của một bộ máy nhà nước mới. Khi lên nắm chính quyền, cả Mạc phủ Tokugawa và Thiên Hoàng Minh Trị đều tiến hành thay đổi toàn bộ các chính sách về kinh tế. Hệ quả là các mô hình kinh tế cũ bị giải tán, hoạt động thương nghiệp phát triển theo hướng nhà cầm quyền mong muốn. Trong quá trình kinh doanh buôn bán, dù ở bất cứ thời kỳ nào thì các thương nhân ở một số ngành nghề đều có nhu cầu liên kết với nhau. Ngày nay, tính liên kết trong thương mại một cách rõ ràng thông qua sự ra các tổ chức và diễn

*Điểm tương đồng giữa mô hình kinh tế Nakama và Zaibatsu ở Nhật Bản*

đàn kinh tế thế giới, khu vực: Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC)...

## **2.2 Sự ràng buộc trong quá trình hoạt động giữa Nakama – Zaibatsu với chính quyền**

Sự ràng buộc chặt chẽ của chính quyền là nét đặc trưng trong quá trình hoạt động của Nakama và Zaibatsu. Vào thời kỳ Tokugawa, thế lực của Nakama nhất là các Nakama tài chính ảnh hưởng sâu rộng đối với xã hội và các chính sách nhà cầm quyền. Sự cấu kết chặt chẽ giữa doanh thương với giới chính trị cho thấy tính phương Đông của kinh tế Nhật Bản vừa thể hiện tính nhạy cảm của giới lãnh đạo kinh tế, luôn tạo ra những nội dung và phương thức hoạt động mới để thích ứng với biến đổi chính trị thời bấy giờ.

Dưới thời Tokugawa, được sự ủng hộ của chính quyền, một số Nakama lớn như “Nhóm 10 nhà bán sỉ” ở Edo và “Nhóm 24 nhà bán sỉ” ở Osaka với nòng cốt thương nhân giàu có, có vai trò quan trọng trong giao lưu kinh tế và trao đổi tiền tệ giữa Edo và Osaka. *“Thời Tokugawa thương nhân Osaka còn đóng vai trò chủ yếu trong các hoạt động ngoại thương của Nhật Bản. Thời gian đó, có khoảng 40 đến 60 gia đình thương nhân dưới sự điều hành của Yodoya, được phép của chính quyền Edo, đã khuynh loát toàn bộ việc mua bán tơ sống với Trung Quốc. Tương tự như vậy, thương nhân của các thành thị khác Nagasaki, Sakai, Kyoto và Edo cũng nhập nhiều tơ lụa từ Nagasaki, cảnh thương mại quốc tế duy nhất của Nhật Bản sau những năm 1640”* [8; tr.165]. Mối liên kết giữa Nakama và chính quyền còn được thể hiện: *“Trong nhận thức của chính quyền, Nakama đã tạo ra một cơ chế kiểm soát khắt khe, kiểm tra hàng hoá nhập ngoại, cấp đặc quyền buôn bán, khống chế giá cả và cung cấp hàng hoá, bảo đảm cho việc lưu hành tiền tệ mới, đặt ra quy chế cho những người sản xuất, bảo vệ các doanh nghiệp đặc quyền, giải quyết cạnh tranh trong buôn bán, phát triển các vùng dân cư mới và tăng ngân khố. Phần lớn các Nakama đã cho thấy tính hữu dụng của một trong các mục đích đó”* [1; tr.17]. Việc Mạc phủ Tokugawa cò mò trong hoạt động của Nakama mà nhờ đó thương nghiệp Nhật Bản có sự phát triển trong giai đoạn đất nước thực hiện chính sách Sakoku (1639-1854).

Dưới thời Minh Trị, Zaibatsu hợp tác chặt chẽ với chính phủ. Đến đầu năm 1900, với âm mưu xâm lược một số nước trong khu vực, chính quyền Minh Trị đã liên kết với Zaibatsu để đảm bảo chắc chắn cho chính sách bành trướng. Được sự bảo trợ từ một số tướng lĩnh quân đội, hàng loạt các công ty: Nissan, Nihon, Chisso, Nihon Soda... đã được thành lập. Sự xuất hiện những công ty đó *“Tạo ra những biến đổi trong cơ cấu độc quyền, với sự suy giảm quyền lực tương đối của các Zaibatsu cũ”* [11; tr.49]. Hoạt động các chính đảng cũng phải trông chờ vào sự ủng hộ tài chính từ các Zaibatsu. Thông qua những mối quan hệ đặc biệt với nhiều nhân viên cao cấp trong chính phủ, hoặc chi phối chính đảng mà nhiều Zaibatsu giành được những nguồn lợi lớn từ chính quyền. Sự nâng đỡ của chính phủ được thể hiện qua việc điều chỉnh chính sách đối với ngành công nghiệp mới, miễn giảm thuế hay ký kết hợp đồng ưu đãi. Tối đa hóa lợi

nhuận, Zaibatsu thường xuyên gây áp lực đối thế lực chính trị mới để có được những hợp đồng kinh tế lớn, cũng buộc phải thay đổi chính sách để giành lấy những đặc quyền kinh tế cho tập đoàn mình.. Trước và trong Chiến tranh thế giới thứ hai, mỗi ràng buộc thể hiện rõ, khi chính quyền ưu tiên trợ cấp và giới thiệu một loạt các công nghệ tiên tiến về công nghiệp nặng và hóa chất cho các Zaibatsu lớn. Nhờ vậy, Nhật Bản đã phát triển được các công nghệ tiên tiến nhất thời bấy giờ trong các lĩnh vực đóng tàu, chế tạo máy bay. Bản thân các Zaibatsu thông qua việc sản xuất mua bán vũ khí cho chính quyền nên vẫn sống “khỏe” trong những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai. Đến khi một loạt các cuộc cải cách thực hiện sau năm 1945 bởi Bộ Tư lệnh Đồng minh (SCAP) thì một loạt các Zaibatsu mới bị giải tán. Mặt trái của mối quan hệ giữa Zaibatsu và chính quyền đã bóp nghẹt nền dân chủ, dân chúng mất lòng tin vào chính trị, nhất là các chính đảng. Vận mệnh của dân tộc Nhật Bản trong giai đoạn này thực tế được định đoạt bởi một nhóm cầm đầu trong giới quân phiệt. Những chính sách được ban hành nhằm phục vụ cho các lợi ích kinh tế, mưu đồ bành trướng, đặt quyền lợi dân tộc sau cùng [10; tr.261].

### 2.3 Tính độc quyền

Trong quá trình hoạt động của mình, Nakama và Zaibatsu luôn đề cao tính độc quyền. Việc độc quyền đem lại cho các Nakama và Zaibatsu nhiều lợi ích về vốn, nguồn hàng, khoản lợi nhuận khuếch xù. Tận dụng lợi thế là nhà cung cấp độc quyền, một số Nakama và Zaibatsu đã tìm cách chi phối thị trường và gây sức ép đối người mua. Để có được giá cả hợp lý, nguồn cung ổn định thì chính quyền tìm mọi cách làm vừa lòng Nakama và Zaibatsu.

Ở thời kỳ đầu Nakama và Zaibatsu chủ yếu buôn bán chủ yếu là nông, lâm, thủy sản (cá, gạo, rượu sake...) và hàng thủ công mỹ nghệ (tơ lụa, gốm...). Ở thời kỳ sau, Nakama và Zaibatsu kinh doanh các sản phẩm là nguyên liệu cho các ngành công nghiệp (bông, trà... đối với các Nakama; sắt, thép, vũ khí... đối các Zaibatsu). Cả hai mô hình kinh tế này đều nắm quyền chủ động ở những ngành kinh tế mà mình tham gia: khai khoáng, chế biến, sản xuất.... Để có thể đảm bảo tính truyền thống và hiện đại trong kinh doanh, Nakama và Zaibatsu đều lấy một lĩnh vực kinh doanh truyền thống làm nòng cốt và từ đó phát triển sang các lĩnh vực khác. Điển hình là tập đoàn Mitsubishi khi được xây dựng trên cơ sở là Ngân hàng Mitsubishi, sau đó phát triển thành các tổng công ty, công ty kinh doanh điện tử, chế tạo ô tô... Việc hoạt động trên nhiều lĩnh vực cho phép Nakama và Zaibatsu chủ động từ khâu khai thác- chế biến nguyên liệu - hoàn thành sản phẩm; tận dụng phế thải trong quá trình chế biến thành sản phẩm khác, qua đó đem lại lợi nhuận cao nhất. Cơ chế điều hành của Nakama và Zaibatsu đều do một gia tộc nắm giữ và kiểm soát. Thông qua hệ thống các thành viên, các Nakama và Zaibatsu tiếp tục chi phối và kiểm soát lẫn nhau (bao gồm các cơ sở kinh doanh, cơ sở sản xuất, đầu mối tiêu thụ...). Các thành viên tiếp tục nắm giữ kiểm soát và chi phối các phân nhánh bên dưới như vậy [8; tr.34].

Cơ chế hoạt động của các Nakama – Zaibatsu đã cho thấy cả tính ưu việt và mặt trái của chúng. Trong quá trình tồn tại, Nakama và Zaibatsu đã đưa ra một loạt các quy chuẩn về chất lượng sản phẩm. Từ đó sản phẩm tung ra thị trường được đảm bảo về chất lượng, người tiêu dùng an tâm về sản phẩm mình sử dụng. Tính độc quyền của Nakama và Zaibatsu đã giúp nhà nước kiểm soát việc buôn bán, hạn chế thất thoát tài nguyên và hàng hóa ra nước ngoài. Tuy nhiên, mặt trái của tính độc quyền là nhiễu loạn thị trường. Việc một hay số ít các Nakama và Zaibatsu nắm giữ nguồn cung cấp sản phẩm thiết yếu (gạo, muối...) giá cả tăng và giảm theo ý đồ của người đứng đầu các tổ chức này là nguy cơ tiềm ẩn cho những xung đột xã hội, lung lay của chính quyền. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động các tổ chức kinh tế đã được chính quyền thực thi trong thời kỳ cầm quyền. Trước ưu điểm và hạn chế của Nakama và Zaibatsu, một số nước trong đó có Việt Nam đang từng bước tìm hiểu mô hình các Nakama và Zaibatsu nhằm góp phần xây dựng một mô hình kinh tế phù hợp trước những thay đổi mạnh mẽ của kinh tế toàn cầu. Độc quyền - tự do thương mại luôn là hai yếu tố tồn tại song hành của nền kinh tế thị trường, thúc đẩy nền kinh tế đi lên. Ngày nay, các Zaibatsu không còn tồn tại ở Nhật Bản nhưng di sản của mô hình này vẫn còn hiện hữu. Đó là những tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng toàn cầu: Mitsu, Mitsubishi... đã và đang chi phối các ngành: sản xuất ô tô, đóng tàu... Một minh chứng thực tế về sức mạnh mô hình kinh tế truyền thống trong thế giới hiện đại là khuynh hướng phát triển độc quyền của Nakama và Zaibatsu chẳng những không bị nhà nước ngăn cản, mà còn được chính phủ ủng hộ thông qua các chính sách bảo hộ tạo điều kiện cho các tập đoàn này có thêm điều kiện đầu tư vào các ngành công nghiệp đòi hỏi vốn lớn.

#### **2.4 Cơ cấu tổ chức hoạt động**

Dù là Nakama hay Zaibatsu, quyền đứng đầu điều hành kinh doanh là cha truyền con nối. Trường hợp gia đình không có con trai hoặc người con trai không đủ năng lực thì người chủ được phép chọn một trong những người giúp việc trung thành, có năng lực nhất làm người thừa kế [5; tr.294]. Đây được coi là phương pháp hiệu quả duy trì hoạt động Nakama và Zaibatsu. Mỗi thành bại trong công việc kinh doanh của Nakama, Zaibatsu đều có đóng góp từng gia đình và các thành viên trong gia đình vì vậy trách nhiệm các thành viên đặt lên hàng đầu. Người học việc (Banto) vẫn giữ vai trò quan trọng ở Nakama, Zaibatsu. Họ là những đứa trẻ từ 7 đến 10 tuổi được các Nakama, Zaibatsu nuôi dưỡng, huấn luyện các kỹ năng kinh doanh. Trải qua nhiều thử thách sàng lọc khắc nghiệt, các Banto dần dần tiếp cận việc kinh doanh. Các Banto không coi mình là người làm công cho chủ, họ tận tụy phát triển doanh nghiệp như một phần sản nghiệp của họ. Bản tính tận tụy, trung thành cùng chế độ phúc lợi tốt đã giúp các Nakama, Zaibatsu có bên mình cộng sự tin cậy, hỗ trợ đắc lực việc làm ăn. Có thể nhận thấy lực lượng Banto ở Zaibatsu ngoài những người học việc từ bé còn có các sinh viên từ các trường đại học nổi tiếng. Đây là những sinh viên có năng lực, phẩm chất được tuyển chọn kỹ càng từ các đại học danh tiếng như: Đại học Keio, Đại học

Tổng hợp Tokyo, Đại học Kinh tế Hitoshubashi [7; tr.525]... Họ là những người được đào tạo bài bản, có tri thức, nắm bắt xu hướng của thời đại, phục vụ các chiến lược lâu dài của Zaibatsu. Đồng thời từ năm 1920, các Zaibatsu lớn như Công ty Đóng tàu Mitsubishi, Công ty Khai mỏ Mitsui đã chủ động thành lập các trường dạy nghề riêng, tạo nên mô hình đào tạo khép kín trong nội bộ các tập đoàn. Tại các xí nghiệp lớn, mỗi thành viên trong một dây chuyền sản xuất được đào tạo có hệ thống. Nội dung giảng dạy gắn lý thuyết với thực tiễn. Chính vì vậy, tính chuyên môn hóa ở các Zaibatsu cao hơn hẳn so với Nakama. Qua đó, năng suất lao động tăng lên, chất lượng sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ. Chuyên môn hóa trong các khâu sản xuất có từ Nakama nhưng đến Zaibatsu được hệ thống hóa một cách chuyên nghiệp nhờ vào sự phát triển máy móc.

Sự phát triển kinh tế thương mại, quan hệ tiền tệ - hàng hóa đã tác động đến toàn bộ xã hội Nhật Bản thời kỳ Tokugawa. Tầng lớp cư dân mới được hình thành, công trường thủ công gia tăng với hoạt động sản xuất chuyên môn hóa mức độ cao và sự tập trung tư bản vào nhóm đại thương nhân tạo nên tiền đề cần thiết để Nhật Bản trở thành quốc gia tư bản hiện đại. Những di sản mà Nakama để lại từ thời Mạc phủ Tokugawa là cơ sở cần thiết cho sự ra đời chủ nghĩa tư bản Nhật Bản. Kinh nghiệm kinh doanh và cơ cấu tổ chức các Nakama được Zaibatsu tiếp thu một cách hiệu quả, vận dụng một cách uyển chuyển để điều hành mô hình thương nghiệp này [4; tr.35].

Những thành công và thất bại của Za là bài học kinh nghiệm quý báu đối Nakama và Zaibatsu. Chính vì vậy, trong quá trình hoạt động, Nakama và Zaibatsu luôn tìm cách duy trì sự tồn tại và phát triển của tổ chức. Liên minh giữa các gia tộc chính trị và các Nakama – Zaibatsu là lựa chọn phổ biến; thông qua các cuộc hôn nhân của các thành viên Nakama – Zaibatsu với con cái các gia tộc chính trị. Các Nakama và Zaibatsu tạo dựng mối quan hệ cần thiết. Đây là mối quan hệ cộng sinh. Cũng chính vì vậy, trên một số mặt hoạt động của Nakama - Zaibatsu không thể đảm bảo tính năng động và hiệu quả cho nền kinh tế. Chính sách đóng cửa của Sakoku đã khiến một số Nakama đánh mất thị phần buôn bán tại Đông Nam Á mà có được trong thời kỳ Châu Ấn Thuyền. Do quy định của chính quyền Tokugawa đặt ra đối các thương nhân buôn bán với nước ngoài. Đối Zaibatsu là việc tập trung vào kinh doanh vũ khí và quân sự đã khiến nền kinh tế nước này kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Việc các Nakama và Zaibatsu phụ thuộc quá nhiều vào đội ngũ cố vấn và sự đấu đá nội bộ trong chính quyền đã ảnh hưởng đến quan hệ giữa các tổ chức này với nhóm quan chức. Buộc họ luôn cân đối giữa các nhóm lợi ích, đảm bảo sự tồn tại của tổ chức.

Cơ chế cùng chia sẻ trách nhiệm, hỗ trợ nhau trong quá trình sản xuất, kinh doanh mặc dù có duy trì được khả năng phát triển ổn định giữa các công ty và có thể diu một số công ty làm ăn thua lỗ thoát khỏi tình trạng phá sản. Nhưng “*cơ chế tự bảo vệ*” lộ mặt trái đó là ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn như: quốc phòng, năng lượng... Khi bị phụ thuộc quá nhiều vào một

*Điểm tương đồng giữa mô hình kinh tế Nakama và Zaibatsu ở Nhật Bản*

tổ chức. Đồng thời, chỉ cần một tác nhân xấu phá hoại thì có thể làm lung lay tổ chức, kéo theo đó nguy cơ sụp đổ cả một hệ thống. Sự sụp đổ của chính quyền Tokugawa dẫn đến một loạt các thương nhân mất chỗ dựa, cơ sở làm ăn. Hệ quả là các Nakama giải tán. Sau năm 1945, tình hình tương tự đã diễn ra đối với các Zaibatsu khi chính quyền phát xít Nhật bị giải tán. Dù cơ chế hoạt động và tổ chức của Nakama và Zaibatsu còn nhiều tranh cãi, nhưng xét trong hoàn cảnh bấy giờ đây là những mô hình kinh tế tối ưu nhất đối với Nhật Bản và rất đáng để nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay. Xét ở cả góc độ khoa học và thực tiễn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. William B. Hauser (1974). *Economic Institutional Change in Tokugawa Japan- Osaka and the Kinai Cotton Trade*, Cambridge University.
- [2]. Peter Duus (1976). *The Rise of Modern Japan*, Stanford Press.
- [3]. Trần Hoàng Phương Khánh (2014). “Vai trò các tập đoàn tài phiệt đối với lịch sử Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”, *Luận văn thạc sĩ Châu Á học*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Nguyễn Văn Kim (1994). Mấy suy nghĩ về thời Tokugawa trong lịch sử Nhật Bản, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (227), tr.54-61.
- [5]. Nguyễn Văn Kim (1996). Thời kỳ Tokugawa và những tiền đề cho sự phát triển của kinh tế Nhật Bản hiện đại, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (288), tr.60-70.
- [6]. Nguyễn Văn Kim (1997). Vài nét về đẳng cấp thương nhân và hoạt động thương mại ở Nhật Bản thời kỳ Tokugawa, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (291), tr.51-58.
- [7]. Nguyễn Văn Kim (2003). *Nhật Bản với châu Á*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. James L. McClain – Wakita Osamu (1999). *Osaka – The Merchant’s Capital of Early Modern Japan*, Cornell University Press.
- [9]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1997). *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
- [10]. R.H.P Mason và J.G Caiger (2003). *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
- [11]. Takafusa Nakamura (1985). *Phát triển kinh tế của nước Nhật hiện đại*, Bộ Ngoại giao Việt Nam.
- [12]. Gibret Roman (1974). Edo’s Importance in the Changing Tokugawa Society, *The Journal of Japanese Studies*, Vol.1, No.1, 1974, tr.97.
- [13]. Harry Wray – Hilary Conroy (1983). *Japan Examined – Perspectives on Modern Japanese History*, University of Hawaii Press.

## SIMILARITIES BETWEEN NAKAMA – ZAIBATSU ECONOMIC MODELS IN JAPAN

**Nguyen Thi Hong Hanh**

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: bukabuni@gmail.com

### ABSTRACT

Nakama and Zaibatsu that are economic models featured Japanese feudalism and capitalism. Forming and developing in different circumstances, but both have certain similarities. On the basis of analysing the relation between Nakama and Zaibatsu with the government, exclusiveness, operation structure, the article pointed out the similarities of these two models. Accordingly, it clarifies the double-faced feature of the model Nakama-Zaibatsu for Japanese feudal economy and capitalism.

**Keywords:** Meiji, Nakama, Tokugawa, Zaibatsu.



**Nguyễn Thị Hồng Hạnh** sinh ngày 15/02/1996 tại Khánh Hòa. Năm 2018, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* lịch sử Nhật Bản, lịch sử thế giới.

